TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 748/2025/DS-PT
Ngày: 24-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa, Tòa án án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Thành Them – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 764/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Cao Văn C, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã X, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (nay là xã X, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Văn C (gọi tắt là ông C) trình bày:

Ngày 16/3/2022, do quen biết nên ông C có cho ông Trần Văn Đ mượn số tiền 600.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 300.000.000 đồng, thời hạn trả là 05 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Khi cho mượn không có làm biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên, đến hạn ông Đ không trả lại tiền cho ông C. Ông C cũng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nên nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả cho ông C số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Đ (gọi tắt là ông Đ) trình bày:

Ông Đ không thống nhất với lời trình bày của ông C. Trước đây ông với ông C có quan hệ quen biết làm ăn. Ông Đ và ông C đều có vay của ngân hàng. Khi đến hạn đáo hạn ngân hàng thì ông và ông C có mượn tiền qua lại với nhau. Khi nợ của ông C đến hạn thì ông C có mượn ông Đ và khi nợ của ông Đ đến hạn thì ông Đ mượn tiền của ông C. Sau khi đáo hạn ngân hàng và vay lại thì sẽ trả tiền mặt cho nhau. Thời hạn không lần nào quá 03 ngày. Đối với ngày 16/3/2022, ông Đ không nhớ rõ nhưng thông thường sau khi đáo hạn, ngân hàng giải ngân cho vay lại bằng tiền mặt, khi đó ông Đ trả tiền mặt cho ông C nhưng không có làm biên nhận.

Do đó, số tiền này ông Đ đã trả cho ông C từ lâu. Hiện tại ông Đ không còn nợ ông C số tiền nào nên ông Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của C.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92 và Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả số tiền vay còn nợ.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Cao Văn C tổng số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/8/2025, bị đơn ông Trần Văn Đ có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ, để xác minh, điều tra lại toàn bộ vụ án nhằm đảm bảo công bằng cho ông.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và cho rằng: Ông có chuyển khoản 02 lần cho ông Đ mượn số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 16/3/2022, thời hạn cho mượn là 05 tháng trả, không có tính lãi suất, ông có đòi nhiều lần nhưng ông Đ không trả, nay ông đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Bị đơn không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn đơn kháng cáo và cho rằng: Ông C có chuyển khoản 02 lần cho ông mượn số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 16/3/2022 để ông đáo hạn Ngân hàng, khi vay xong thì trong ngày ông đem tiền mặt để trả cho ông C, trả tại nhà ông C, không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến, từ trước tới nay ông C không có đòi tiền ông lần nào, ông không còn thiếu tiền ông C nữa, nay giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đ và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung

năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn ông Cao Văn C và bị đơn ông Trần Văn Đ đều có mặt; nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Đ là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ, để xác minh, điều tra lại toàn bộ vụ án nhằm đảm bảo công bằng cho ông. Xét thấy, quá trình tham gia tố tụng ông Đ thừa nhận có nhận của ông C số tiền 600.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật TTDS. Tuy nhiên, theo đơn kháng cáo ông Đ cho rằng ông mượn tiền của ông C là để đáo hạn Ngân hàng A và sau khi ngân hàng giải ngân tiền mặt cho ông và trong ngày đó ông đã mang tiền mặt về trả lại ngay cho ông C. Mặc dù, ông Đ có giao nộp bản sao kê giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G cung cấp thể hiện trong ngày 16/3/2022, ngân hàng có giải ngân cho ông Đ số tiền 600.000.000 đồng và ông Đ đã rút số tiền này ra, ông Đ cho rằng đã trả số tiền này cho ông C, nhưng ông C thì không thừa nhận có nhận số tiền 600.000.000 đồng do ông Đ trả. Việc ông Đ cho rằng đã trả số tiền 600.000.000 đồng cho ông C rồi thì phải có nghĩa vụ chứng minh. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật TTDS quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ chỉ cung cấp lời khai, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền 600.000.000 đồng cho ông C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông Đ trả số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật TTDS để giải quyết vụ án, không vi phạm thủ tục tố tụng; do ông Đ không cung cấp được tài

liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý, không phải lý do để hủy bản án dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đ là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên bị đơn ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, do ông Đ sinh ngày 01/01/1965 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Đ được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đ và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ). Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn C về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn Đ trả số tiền vay còn nợ.

2.2. Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Cao Văn C tổng số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2.3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn Đ được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Cao Văn C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số 0010514 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự KV – Cần Thơ).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND KV - Cần Thơ
- THADS KV - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Toàn